

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUV

**DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 26/09/2021**

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
1	Mai Thế Anh	Nam	23/8/1976	Nghệ An	7.3	7.0	2383/QĐ375/2021	TH002422	
2	Trần Quyết Chiến	Nam	09/9/1979	Hà Nam	7.3	8.0	2384/QĐ375/2021	TH002423	
3	Phạm Đình Chờ	Nam	02/11/1982	Nghệ An	5.7	8.0	2385/QĐ375/2021	TH002424	
4	Nguyễn Bá Cường	Nam	09/9/1983	Nghệ An	5.7	7.0	2386/QĐ375/2021	TH002425	
5	Lưu Hải Đăng	Nam	25/8/1970	Nghệ An	5.7	5.0	2387/QĐ375/2021	TH002426	
6	Lê Văn Dũng	Nam	20/12/1995	Nghệ An	7.3	8.0	2388/QĐ375/2021	TH002427	
7	Phạm Như Duyên	Nữ	12/8/1999	Nghệ An	6.3	8.5	2389/QĐ375/2021	TH002428	
8	Trần Thị Mỹ Duyên	Nữ	27/12/1999	Nghệ An	7.3	8.5	2390/QĐ375/2021	TH002429	
9	Nguyễn Minh Hải	Nam	10/12/1982	Nghệ An	5.7	6.5	2391/QĐ375/2021	TH002430	
10	Vương Vũ Ngọc Hân	Nữ	17/02/1999	Nghệ An	7.0	9.0	2392/QĐ375/2021	TH002431	
11	Nguyễn Văn Hiếu	Nam	07/10/1981	Nghệ An	6.3	6.0	2393/QĐ375/2021	TH002432	
12	Nguyễn Thị Hòa	Nữ	25/6/2000	Nghệ An	6.3	6.5	2394/QĐ375/2021	TH002433	
13	Phùng Thị Hòa	Nam	10/8/1992	Nghệ An	6.7	8.0	2395/QĐ375/2021	TH002434	
14	Phạm Thị Bích Hoài	Nữ	03/7/1980	Nghệ An	6.3	8.5	2396/QĐ375/2021	TH002435	
15	Lê Hữu Hoàng	Nam	20/02/1995	Nghệ An	7.3	9.0	2397/QĐ375/2021	TH002436	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
16	Lê Đăng Huy	Nam	17/10/1999	Nghệ An	7.0	8.5	2398/QĐ375/2021	TH002437	
17	Nguyễn Hồng Lĩnh	Nam	11/4/1977	Nghệ An	6.3	6.0	2399/QĐ375/2021	TH002438	
18	Cao Thị Long	Nữ	27/7/1972	Hà Tĩnh	6.0	6.5	2400/QĐ375/2021	TH002439	
19	Vi Văn Ngọc	Nam	08/3/1989	Nghệ An	6.0	6.0	2401/QĐ375/2021	TH002440	
20	Lô Thanh Nhâm	Nam	26/4/1992	Nghệ An	6.3	9.0	2402/QĐ375/2021	TH002441	
21	Trần Thị Phụng	Nữ	11/5/1998	Nghệ An	5.7	5.0	2403/QĐ375/2021	TH002442	
22	Thái Bá Quân	Nam	03/7/1995	Nghệ An	7.3	7.5	2404/QĐ375/2021	TH002443	
23	Nguyễn Đình Sơn	Nam	05/8/1986	Nghệ An	7.0	9.0	2405/QĐ375/2021	TH002444	
24	Nguyễn Đình Thắng	Nam	28/11/1983	Nghệ An	6.3	6.5	2406/QĐ375/2021	TH002445	
25	Phan Văn Thắng	Nam	13/3/1998	Nghệ An	6.7	9.0	2407/QĐ375/2021	TH002446	
26	Hoàng Thị Thảo	Nữ	23/10/1999	Nghệ An	6.3	8.0	2408/QĐ375/2021	TH002447	
27	Phan Đăng Thi	Nam	02/7/1973	Nghệ An	6.0	7.5	2409/QĐ375/2021	TH002448	
28	Dư Thị Thu	Nữ	17/02/1979	Nghệ An	7.3	7.5	2410/QĐ375/2021	TH002449	
29	Nguyễn Sỹ Trường	Nam	19/4/1983	Nghệ An	5.7	6.5	2411/QĐ375/2021	TH002450	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			

